TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2019 /HS-ST
Ngày: 30/07/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Nguyễn Đình T**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Thị Dung**

Ông Đỗ Đức Dục

- Thư ký phiên tòa: **Ông Hoàng Nghĩa H** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Út - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 30 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 04 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 06 năm 2019 đối với :

Bị cáo: **Nguyễn Trịnh Đ,** sinh năm 1989

Nơi sinh: Hà Nội.

Nơi ĐKHKTT: xóm PT, xã ĐX, huyện SS, thành phố H.

Nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Công an công tác tại Công an quận Hai Bà Trưng; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Trung cấp cảnh sát

Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Phong Sắc và bà: Trịnh Thị Ngọc

Có vợ: Hoàng Thị Lan Anh (đã ly hôn); 1 con (sinh năm 2015)

Tiền án,tiền sự: không; Danh chỉ bản số: 541 ngày 10/10/2018 tại PC11A Công an Thành phố Hà Nội

Bắt tạm giam: 09/10/2018. Có mặt.

Bị hại: **1.Anh Nguyễn Trọng T, sinh 1987;**

Nơi cư trú: xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

Hiện ở tại: số nhà 91, phố Th Lâm, phường Th Trì, quận Hoàng

Mai, thành phố Hà Nội. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Anh Lê Quốc Th, sinh 1992;

Nơi cư trú: số nhà 484, phố Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1**./Bà Lê Thị M, sinh năm 1962**

Nơi cư trú: số nhà 91, phố Th Lâm, phường Th Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2./ Bà Nguyễn Thị M Th, sinh năm 1963

Nơi cư trú: tổ Ngô Mây, phường Ba Ngòi, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trịnh Đ là cán bộ đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; được lãnh đạo đơn vị phân công phụ trách địa bàn phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và được giao nhiệm vụ nắm tình hình, quản lý phát hiện các hành vi vi phạm về ma túy trên địa bàn phường Bách Khoa để báo cáo Chỉ huy đơn vị lập phương án xử lý. Theo lịch trực, Đạt được đơn vị phân công lịch trực tại đơn vị, thời gian từ 08h00 ngày 09/9/2018 đến 08h00 ngày 10/9/2018, trong đó có trực chốt 141 thời gian từ 22h00 ngày 09/9/2018 đến 02 giờ ngày 10/9/2018. Khoảng 23h00 ngày 09/9/2018, Đạt rủ bạn là Trần Hùng Nam (sinh năm1990; trú tại số 02, ngõ 294, đường Lĩnh Nam, phường Lĩnh Nam, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; nguyên là Cán bộ đội Cảnh sát trật tự - phản ứng nhanh của Công an quận Hai Bà Trưng đã xuất ngũ) và Nguyễn Đình Cường (sinh năm 1996 trú tại P308, số 1 phố Lê Phụng Hiểu, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) đến uống nước ở khu vực vỉa hè đối diện ngõ 37, đường Lê Th Nghị, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đến khoảng 23h30 ngày 09/9/2018, Đạt cùng Nam và Cường thấy anh Nguyễn Trọng T và anh Lê Quốc Th đang dựng xe máy đứng ở đầu ngõ 33 Lê Th Nghị có biểu hiện nghi vấn về ma túy. Đạt đã bảo Nam và Cường cùng đi xe máy ra kiểm tra hành chính đối với anh T và anh Th. Khi đến nơi, Đạt nói "Bọn anh ở Công an Quận, hai đứa đi đâu vào đây". Anh T và anh Th trả lời "Em đang đứng chờ bạn em đến đón". Lúc này, Đạt lấy danh nghĩa là Công an đang làm nhiệm vụ, bảo Cường và Nam tách anh Th và anh T ra để kiểm tra người xem có tàng trữ ma túy không.

Đạt bảo Cường đưa anh Th ra chỗ khác; còn Đạt và Nam kiểm tra người và xe máy của anh T, khi kiểm tra trong cốp xe máy nhãn hiệu Piaggio LX, biển kiểm soát 29L1- 442.23 của anh T thì cả hai phát hiện có 01 chiếc cóong thủy tinh (dùng để sử dụng ma túy đá). Thấy vậy, Đạt đã dùng 01 còng số 8 do đơn vị cấp phát từ trước, khóa chung tay anh T và anh Th lại với nhau. Đạt hỏi nguồn gốc của chiếc cóong thì anh T đã nhận là của anh T dùng để sử dụng ma túy đá nên nói sẽ đưa anh T và anh Th về trụ sở Công an phường để giải quyết; thấy Đạt nói vậy, anh T và anh Th sợ bị bắt nên đã xin Đạt tha và xin bồi dưỡng bằng tiền, nên Đạt nảy sinh ý định khống chế anh T và anh Th để cưỡng đoạt tiền. Để không ai biết, Đạt bảo Nam và Cường đứng trông anh Th, còn Đạt gọi riêng anh T ra một chỗ khác để nói chuyện rồi bảo anh T gọi điện thoại về cho gia đình để Đạt nói chuyện. Sau đó, anh T lấy điện thoại gọi cho mẹ là bà Lê Thị M. Khi anh T vừa nói chuyện với mẹ được mấy câu thì Đạt dùng điện thoại của anh T nói chuyện với bà M. Trên điện thoại, Đạt giới thiệu là Công an tiến hành kiểm tra, phát hiện anh T đang có ma túy và bảo bà M mang số tiền 100.000.000 đồng đến đưa cho Đạt thì Đạt tha, nếu không sẽ cho anh T đi tù. Do lo sợ nên bà M đã nhờ người quen là chị Đào Thị Thúy (sinh năm 1984; trú tại số nhà 69, đường Th Đảm, phường Th Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội) đi xe máy chở đến nơi anh T đang bị giữ tại đầu ngõ 33, phố Lê Th Nghị. Sau đó Đạt tiếp tục bảo Nam và Cường trông giữ anh T còn Đạt đưa anh Th ra một góc để nói chuyện và dọa sẽ đưa về trụ sở Công an. Do lo sợ nên anh Th đã xin Đạt tha thì Đạt bảo anh Th gọi điện về cho gia đình để Đạt nói chuyện. Sau đó, anh Th gọi điện về cho mẹ là bà Nguyễn Thị M Th (sinh năm 1963, trú tại tổ Ngô Mây, phường Ba Ngòi, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa). Khi anh Th vừa nói chuyện được mấy câu thì Đạt lấy máy của anh Th để nói chuyện với bà Th. Trên điện thoại, Đạt giới thiệu cho bà Th biết mình là Công an tiến hành kiểm tra thì phát hiện anh Th đang có ma túy, bảo bà Th mang số tiền 100.000.000 đồng đến đưa cho Đạt thì Đạt tha cho anh Th, nếu không sẽ cho anh Th đi tù.

Khi bà M và chị Thúy đến nơi thì Đạt ra gặp bà M để nói chuyện riêng. Đạt nói lại sự việc rồi hỏi bà M đã lo được tiền chưa. Bà M trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn và xin Đạt tha cho anh T. Do bà M không lo được khoản tiền lớn nên Đạt gợi ý bà M bán xe máy của anh T. Bà M đồng ý nhưng bảo muộn thế này sợ không bán được xe máy thì Đạt nói "Nếu vậy cô bán xe cho bạn cháu". Bà M đồng ý bán xe máy giá 20.000.000 đồng. Đạt bảo bà M phải lo được 10.000.000 đồng tiền mặt và 20.000.000 đồng tiền bán xe thì sẽ cho T về. Do chưa có tiền nên bà M và chị Thúy đi xe máy về nhà để lấy 10.000.000 đồng và giấy mua bán xe máy của chủ cũ để bán xe theo yêu cầu của Đạt. Khoảng 30 phút sau, bà M và chị Thúy quay lại thì Đạt bảo anh T viết giấy bán xe máy của anh T cho bà M để bà M đi bán xe. Anh T đồng ý viết giấy bán xe theo lời đọc của Đạt. Sau đó, Đạt gọi Cường bảo ra nhờ tý việc. Đạt không trao đổi về việc mua bán xe với Cường mà chỉ đưa Cường số tiền 15.000.000 đồng của Đạt và một tờ giấy trắng A4, một chiếc bút bi cho Cường bảo ra đầu ngõ mua hộ Đạt cái xe máy. Sau đó, Đạt nhắn tin nội dung vào điện thoại của Cường để nhờ Cường mua chiếc xe máy của bà M. Do được Đạt nhờ nên Cường đi ra chỗ bà M để bảo bà M bán xe máy cho Cường với giá 15.000.000 đồng. Bà M

bảo giá bán là 20.000.000 đồng nhưng Cường không đồng ý mua. Hai bên mà cả và bà M đồng ý bán xe máy cho Cường với giá 15.000.000 đồng. Do bà M đang bị ốm không viết được nên nhờ chị Thúy viết giấy bán xe hộ. Khi viết giấy xong, Cường cầm giấy bán xe, giấy tờ xe và xe máy từ chị Thúy và đưa cho chị Thúy 15.000.000 đồng. Chị Thúy cầm số tiền trên đưa cho bà Mình để cộng với 10.000.000 đồng mang theo (tổng là 25.000.000 đồng) đem ra đưa cho Đạt. Do có một cọc tiền loại tiền mệnh giá 10.000 đồng và 20.000 đồng và thấy bà M trình bày khó khăn nên Đạt đưa lại số tiền 1.000.000 đồng đó cho bà M. Đến khoảng 3h30 phút ngày 10/9/2018, Đạt cho anh T về và nhắn tin bảo Cường đem xe máy đi gửi ở bãi xe. Nghe theo lời Đạt, Cường cất toàn bộ giấy tờ vào cốp xe rồi đem chiếc xe máy đến bãi gửi xe trên đường Nguyễn Hiền (phía sau sân vận động Bách Khoa), thuộc phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Sau khi T về, do mẹ anh Th chưa đến nên Đạt quay ra bảo Nam đưa anh Th vào nhà nghỉ Ngọc Tú 2, địa chỉ tại số 06, ngõ 33/12, phố Lê Th Nghị, phường Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Sau khi đi gửi xe về, Cường đưa vé gửi xe và chìa khóa xe máy cho Đạt rồi về nhà. Đạt về Công an quận Hai Bà Trưng. Còn Nam ngủ lại nhà nghỉ để trông giữ anh Th. Đến khoảng 08h00 ngày 10/9/2018, Đạt gọi điện thoại cho Nam nói đưa anh Th ra quán cà phê Cây Xăng, tại số 101E5, tập thể Bách Khoa, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội ngồi uống nước để chờ mẹ anh Th đến. Tại quán cà phê vỉa hè, Đạt gọi điện rủ Cường ra ngồi uống nước nhưng do bận đi làm nên khoảng 12h30 phút cùng ngày, Cường mới đến. Trong thời gian trên, Đạt gọi điện thoại cho bà Th để hướng dẫn bà Th đến khu vực gần cây xăng Bách Khoa. Khi Cường đến được 5 - 7 phút thì Nam đứng dậy đi ra khỏi quán cà phê còn Đạt lấy xe máy đưa anh Th đi lòng vòng khu vực đó. Đến khoảng 14h30 phút cùng ngày, Đạt không thấy bà Th đến và sợ bị phát hiện nên đã thả Th ở sân Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội; đồng thời, bảo Cường đi ra chỗ khác tránh sự theo dõi của Công an.

Sau khi nhận được tin báo của bà Thắng, Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hà Nội đã tiến hành xác M, triệu tập Nguyễn Đình Cường và Nguyễn Trịnh Đ. Tại đây, Đạt đã khai nhận hành vi phạm tội và Cường khai nhận đã có hành vi giúp Đạt trong việc kiểm tra hành chính đối với anh Th và anh T; đồng thời khai mua giúp cho Cường chiếc xe máy của bà M nhưng nghĩ là giúp cho Đạt bắt giữ tội phạm ma túy, không biết Đạt đe dọa để chiếm đoạt tiền của gia đình anh Th và anh T.

Tại các Biên bản nhận dạng do Cơ quan điều tra lập ngày 12/9/2018, 14/9/2018, 15/9/2018, 16/9/2018, 8/11/2019, 26/2/2019 thể hiện: Anh Nguyễn Trọng T đã nhận dạng trực tiếp và qua ảnh Đạt và Cường; anh Lê Quốc Th đã nhận dạng trực tiếp và qua ảnh Đạt và Cường; bà Lê Thị M và chị Đào Thị Thúy đã nhận dạng qua ảnh Đạt và Cường; anh Nguyễn Quang Huy nhận dạng ra Đạt là người đến lấy xe tại bãi gửi xe; anh Nguyễn Văn Bắc nhận dạng qua ảnh Nam là người đi vào nhà nghỉ Ngọc Tú; Nguyễn Đình Cường và Nguyễn Trịnh Đ nhận dạng ra Trần Hùng Nam.

Vật chứng vụ án:

Tại các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội lập hồi 10h45 phút và hồi 20h00 ngày 11/9/2018, thu giữ: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio màu đỏ, biển kiểm soát 29L1- 442.23, số máy 5034573, số khung 026776 cùng 01 giấy đăng ký xe máy số 045862 mang tên Trần Văn Vân, địa chỉ: P621- DN6 ĐT Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội, do Công an huyện Từ Liêm, Hà Nội cấp ngày 21/12/2013; 01 giấy phép lái xe số AK 435771 mang tên Nguyễn Trọng T (sinh năm 1987; địa chỉ: Phan Lương, Lâm Xuyên, Sơn Dương, Tuyên Quang) do Sở giao thông vận tải Hà Nội cấp ngày 13/5/2009; 01 chiếc chìa khóa xe máy có chữ Vespa màu xanh và 20.000.000 đồng do Nguyễn Trịnh Đ giao nộp.

Tại các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội lập hồi 16h00 ngày 14/9/2018; hồi 14h00 ngày 15/9/2018 và hồi 11 h00 ngày 16/9/2018, thu giữ 03 tờ giấy khổ A4 ghi danh sách các xe gửi tại bãi xe phố Nguyễn Hiền, phường Bách Khoa ngày 09, 10, 11/9/2018; 01 thẻ nhớ di động (USB) màu đen xanh, nhãn hiệu Transcen 4GB; 03 tờ giấy khổ A4 có in ảnh màu hình ảnh từ máy tính của hệ thống camera giám sát bãi trông xe Nguyễn Thượng Hiền, phường Bách Khoa, do anh Nguyễn Quang Huy giao nộp.

Tại biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội lập hồi 14h00 ngày 8/01/2019, thu giữ: 01 USB màu đen nhãn hiệu SanDisk do anh Lê Quốc Th giao nộp.

Tại Bản kết luận giám định số 8271/KL- PC09 - Đ3 ngày 23/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội, kết luận: "…Xe máy nhãn hiệu PIAGGIO LX đeo biển kiểm soát 29L1- 442.23 gửi giám định, hiện tại có số khung *RP8M66500DV026776* và số máy M669M*5034573* là số nguyên thủy".

Tại Bản kết luận định giá tài sản 01 xe máy nhãn hiệu PIAGGIO LX125 số 9203/KL-HĐ ĐGTS ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Hà Nội kết luận: Giá trị của tài sản là 01 xe máy nhãn hiệu PIAGGIO LX125, màu sơn đỏ, số máy M669M*5034573*, số khung *RP8M66500DV026776* là 39.160.000 đồng.

Kết quả tra cứu tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hà Nội về nguồn gốc chiếc xe máy PIAGGIO LX125 BKS 29 L1 - 442.23, xác định: Chủ xe là Trần Văn Vân, địa chỉ P621-DN6 Đô thị Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội, đăng ký ngày 20/12/2013; kết quả tra cứu xe máy vật chứng xác định chiếc xe máy trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Qua xác M xác định ông Trần Văn Vân mua chiếc xe máy trên năm 2013 và sử dụng đến năm 2015 thì bán cho một Th niên không quen biết ở quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Khoảng tháng 10/2016, anh Nguyễn Trọng T mua lại chiếc xe máy trên của một Th niên không quen biết về sử dụng làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại anh Nguyễn Trọng T chiếc xe trên cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký

xe mang tên Trần Văn Vân; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Trọng T và 01 chiếc chìa khóa xe máy có chữ Vespa màu xanh.

Đối với Nguyễn Đình Cường là người có hành vi giúp Nguyễn Trịnh Đ trông giữ anh Nguyễn Trọng T và anh Lê Quốc Th tối 9/9/2018. Tuy nhiên, kết quả điều tra xác định: Cường biết Đạt là Công an có nhiệm vụ bắt tội phạm ma túy và đã nhiều lần giúp đỡ Đạt trong việc nắm bắt các đối tượng vi phạm ma túy và hỗ trợ bắt giữ các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy. Khoảng 23 giờ tối 9/9/2018, khi được Đạt gọi điện thoại đến giúp một việc gấp thì Cường đến và đi cùng Đạt. Khi Cường nghe điện thoại của Đạt và đến gặp Đạt cũng như trong suốt quá trình diễn ra sự việc, Cường không được bàn bạc, trao đổi gì về việc Đạt làm. Đạt trao đổi làm việc với mọi người như thế nào Cường ko biết nội dung, mục đích. Cường chỉ làm theo những gì Đạt nhờ vì nghĩ Đạt là công an, đang thi hành nhiệm vụ nên làm theo. Cường cũng không biết việc Đạt nhận tiền và Cường không được Đạt chia tiền… Hiện tại Nam không có mặt tại nơi cư trú, chưa có lời khai của Nam về hành vi của Cường nên Cơ quan điều tra tách tài liệu để điều tra làm rõ sau.

Đối với Trần Hùng Nam có dấu hiệu đồng phạm với Nguyễn Trịnh Đ về hành vi Cưỡng đoạt tài sản và hành vi của Nam có dấu hiệu phạm tội bắt giữ người trái pháp luật. Tuy nhiên, hiện Nam không có mặt tại nơi cư trú; Cơ quan điều tra chưa triệu tập được Nam để làm rõ hành vi liên quan nên chưa đủ căn cứ để khởi tố bị can đối với Nam. Do đó, Cơ quan điều tra đã quyết định tách tài liệu liên quan đối với Nam để điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với Nguyễn Trọng T và Lê Quốc Th có hành vi cất giấu chiếc coóng để sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên cả hai chưa sử dụng thì bị Nguyễn Trịnh Đ phát hiện. Xét vi phạm của T và Th có mức độ nên Cơ quan điều tra đã nhắc nhở, giáo dục.

Trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị M yêu cầu bị can Nguyễn Trịnh Đ phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 9.000.000 đồng và đề nghị xử lý bị can Nguyễn Trịnh Đ theo quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, ban đầu bị can Nguyễn Trịnh Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình; lời khai của bị can phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Sau đó, bị can Nguyễn Trịnh Đ thay đổi lời khai, quanh co chối tội.

Bản cáo trạng số 84/CT-VKS-P2 ngày 29/03/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tru tố bị cáo về tội Cưỡng đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 điều 170 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên toà:

Bị cáo chỉ khai nhận quen biết Nam và Cường là bạn xã hội và Cường chính là người nói với Đạt về việc phát hiện hai đối tượng sử dụng ma tuý nên báo cho Đạt đến xử lý. Sau khi hết ca trực, Cường đã gọi cho Đạt hẹn đến khu Bách Khoa gặp hai đối tượng này, khi đến nơi bị cáo đã thấy Nam và Cường giữ hai đối tượng

mà sau này mới biết tên là T và Th. Việc khoá hai đối tượng bằng khoá số 8 là do Nam làm. Khi gặp Tuán và Th bị cáo không đe doạ và cũng không đòi số tiền 100 triệu đồng như các bị hại đã khai. Bị cáo thừa nhận Chỉ khi T sau đó là Th gọi điện về nhà thì bị cáo có cầm máy điện thoại của T và của Th để nói chuyện với mẹ của hai bị hại xưng danh Công an quận Hai Bà Trưng nói các bị hại bị giữ vì liên quan đến ma tuý. Khi bà M và bà Th xin tha cho con thì bị cáo đồng ý, đồng thời thừa nhận nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa bị cáo và bà Th mẹ của anh Th mà cơ quan điều tra đã giám định là đúng. Bị cáo chỉ nhận của bà M mẹ anh T số tiền 20.000.000đ là số tiền bà M tự nguyện đưa để cảm ơn việc không bắt con bà. Việc Cường mua xe của bà M thế nào bị cáo không biết và chỉ cho Cường vay tiền để mua xe. Tại cơ quan điều tra có việc điều tra viên Mạnh đã xé bản cung và viết lại bảo bị cáo ký cũng như việc gia đình Cường có gặp gỡ gia định bị hại và thiết phục bị cáo nhận hết tội về mình thì gia đình Cường sẽ lo giúp nhưng bị cáo không đồng ý.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của Cường trong vụ án này là đồng phạm tích cực của bị cáo và bị cáo không phạm tội cưỡng đoạt tài sản mà chỉ có thể là phạm tội nhận hối lộ mà thôi. Quá trình điều tra có sự dẫn cung dụ cung của điều tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội duy trì công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo bản cáo trạng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo khai nhận có mức độ song căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của bị hại, nhân chứng, bản kết luận giám định có đủ căn cứ xác định bị cáo có hành vi đe doạ các bị hại nhằm chiếm đoạt của mỗi bị hại 100.000.000đ và mới chỉ chiếm đoạt được chiếc xe máy và 10.000.000đ của anh T thì bị tố giác. Hành vi của bị cáo phạm tôi cưỡng đoạt tài sản như bản cáo trạng đã truy tố, không có căn cứ bị cáo bị ép cung, dụ cung như ý kiến của luật sư bào chữa. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự; ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, là tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b,s khoản 1 điều 51; bị cáo không có tình tiết tăng nặng phạm tội từ 2 lần trở lên do đã cấu thành khoản 3 của tội danh phạm tội. Sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, xem xét phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị như sau:

Xử phạt: bị cáo từ 7 đến 9 năm tù giam; buộc bị cáo hoàn trả cho bà M số tiền 9.000.000đ, tạm giữ số tiền 20.000.000đ đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi quyết định tố tụng:

Các hành vi quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan cảnh sát Điều tra và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo có nêu ý kiến về việc điều tra viên đã xé bản cung và dụ cung mớm cung tuy nhiên không đưa ra được bằng chứng về việc này hơn nữa khi Viện kiểm sát lấy lời khai có sự chứng kiến của luật sư bị cáo đã khai không bị ép cung, bức cung hay đánh đập gì. Do đó hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo chỉ khai nhận có nhận của bà M là mẹ của anh T số tiền 20.000.000đ là số tiền bà M chủ động đưa bị cáo để cảm ơn việc không bắt con bà, không biết và không hề bảo Cường mua xe máy của bà M, không đặt vấn đề đòi gia đình mỗi bị hại số tiền 100.000.000đ. Thừa nhận việc có nói chuyện qua điện thoại với mẹ của các bị hại.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ có đủ căn cứ khẳng định rằng vào khoảng 23 giờ ngày 09/09/2018, Đạt đã cùng Nam, Cường kiểm tra hành chính đối với anh T và anh Th. Khi phát hiện hai anh này có biểu hiện sử dụng ma tuý và có dụng cụ ma tuý Đạt đã có lời nói xưng danh công an quận Hai Bà Trưng tuyên bố bắt giữ khiến người bị hại lo sợ. Bị cáo không thừa nhận đã đặt vấn đề đòi mỗi bị hại 100.000.000đ nhưng thừa nhận có nối truyện trao đổi với gia đình bị hại xưng danh là Công an quận kiểm tra phát hiện hai anh T và Th có sử dụng ma tuý khiến gia đình bị hại lo lắng. Lời khai của bà M mẹ anh T và chị Thuý đi cùng bà M đều khẳng định rằng khi gọi điện thoại bị cáo đã yêu cầu bà M phải chuẩn bị 100.000.000đ thì thân nhân mới được thả. Các lời khai này là khách quan và đáng tin cậy bởi lẽ nó phù hợp với ba bản tường trình và bản khai của bị cáo vào các ngày mùng 10, 11, 12/09/2018. Thực tế khi gặp bà M do việc bà M không có đủ tiền chỉ mang theo 10.000.000đ bị cáo đã gợi ý bà M bán xe máy mà anh T đang đi để có tiền đưa cho bị cáo và bị cáo đã đưa cho Cường một số tiền để Cường ra trao đổi mua xe và Anh T đã phải làm giấy bán xe cho bà M để bà M làm giấy bán xe cho Cường để bà M có số tiền 25.000.000đ đưa cho bị cáo mà thực chất là bị cáo chiếm đoạt của bị hại chiếc xe máy (trị giá 39.160.000đ) và 10.000.000đ. Chiếc xe chiếm đoạt Cường đã đem đi gửi và sau đó bị cáo đã tực tiếp đến bãi xe lấy xe và nộp cho cơ quan điều tra. Đối với anh Th, khi nghe anh Th gọi cho mẹ là bà Th, bị cáo đã trực tiếp trao đổi với bà Th bằng điện thoại của anh Th. Tại cơ quan điều tra, anh Th đã nộp một USB có ghi âm cuộc nói chuyện giữa bị cáo và bà Th. Cơ quan điều tra đã tiến hành giám định âm Th. Bản kết luận giám định số 3003/C09-P6 ngày 12/06/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã kết luận giọng nói trong file ghi âm là của bị cáo (tại phiên toà bị cáo thừa nhận nội dung File âm Th là đúng), có nội dung trao đổi về số tiền. Cho đến 14 giờ ngày 10/09/2018 khi không gặp được bà Th bị cáo mới thả anh Th, nhưng trước đó vào lúc 12 giờ bà Th đã đến Phòng cảnh sát hình sự tố cáo Đạt đe doạ đòi bà phải đưa số tiền 100.000.000đ. Điều này còn phù hợp với các bản tường trình và bản khai

của bị cáo như đã nêu ở trên. Bị cáo chưa chiếm đoạt được tiền của anh Th và gia đình.

Có đủ căn cứ kết luận Nguyễn Trịnh Đ đã lợi dụng tâm lý lo sợ bị bắt giữ xử lý của những người có biểu hiện sử dụng ma tuý để đe doạ đối với anh T, anh Th khiến các anh và gia đình các anh lo sợ nhằm chiếm đoạt của mỗi người 100.000.000đ tuy thực tế mới chiếm đoạt được của anh T 01 chiếc xe máy hiệu Piegio LX và 10.000.000đ, chưa chiếm đoạt được của anh Th. Hành vi của bị cáo phạm vào tội Cưỡng đoạt tài sản, tội danh và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét bị cáo vốn là chiến sỹ cảnh sát biên chế trong Đội phòng chống ma tuý trên địa bàn quận Hai Bà Trưng, nhưng đã không chịu tu dưỡng rèn luyện vào tâm lý của phẩm chất đạo đức, tư cách mà lợi dụng đặc điểm công tác nhằm vào tâm lý của những người có vi phạm pháp luật có thể bị xử lý để khống chế đe doạ họ nhằm chiếm đoạt tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội gây bất bình trong dư luận nhân dân. Phạm tội khi đã hết ca trực trở về chứ không phải trong lúc thực hiện nhiệm vụ được giao nên hành vi của bị cáo không cấu thành tội nhận hối lọ như ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên toà.

Với hai hành vi đe doạ nhằm chiếm đoạt tổng số tiền 200.000.000đ nhưng thực tế mới chiếm đoạt được 01 một chiếc xe máy (trị giá 39.160.000đ) và 10.000.000đ. Nên xem xét cấu thành khoản 3 tội danh Cưỡng đoạt tài sản mà không tính là tình tiết tăng nặng phạm tội từ 2 lần trở lên theo điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiến án, tiền sự, khi được nói lời sau cùng đã gửi lời xin lỗi gia đình, cơ quan đơn vị tỏ ra ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b,s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét trong khi lượng hình nhưng cũng cần xử phạt hình phạt tù tương ứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với Cường có hành vi giúp sức cho Đạt mua xe, tuy nhiên thực hiện hành vi có mức độ, không bàn bạc và không được biết quá trình bị cáo đặt vấn đề chiếm đoạt tiền của các bị hại và không được hưởng lợi, cơ quan điều tra đã tách rút tài liệu để xem xét khi có lời khai của Nam là thoả đáng.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe máy thu giữ đã trao trả cho anh T là bị hại; số tiền 10.000.000đ của bà M bị cáo sau khi nhận tiền đã đưa lại cho bà M 1.000.000đ, hiện bà M yêu cầu bị cáo hoàn trả 9.000.000đ là có căn cứ cần chấp nhận.

Không có căn cứ để chấp nhận đề xuất của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa đề nghị hoàn trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I./ **Tuyên bố**: Bị cáo Nguyễn Trịnh Đ phạm tội "**Cưỡng đoạt tài sản"**.

II./ **Áp dụng:**

- Điểm a khoản 3 điều 170; các điều 38; 47; 48; 50; điểm b, điểm s khoản 1Điều 51;Bộ luật hình sự năm 2015.

- Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí:

Xử phạt:

Nguyễn Trịnh Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 09/10/2018.

III./ Về dân sự:

Buộc Nguyễn Trịnh Đ phải hoàn trả cho bà Lê Thị M số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng)

Tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) thu giữ của bị cáo đã được cơ quan điều tra chuyển vào tài khoản số 3949 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội tại Kho bạc Nhà Nước Hà Đông ĐVQHNS: 1052728 ngày 22/02/2019 để đảm bảo thi hành án.

VI./. Về án phí:

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

V./ Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TP H;
- PC27 Công an TP H;
- Cục THADS TP H;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN ĐÌNH T